

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 19 - 5 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Ngoãn

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Tiến H; Sinh năm: 1983

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: bà Vy Thị H; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tiến H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Tiến H và bà Vy Thị H tự nguyện chung sống năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2013 thì hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sau đó bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột ở tỉnh L sống cho đến nay. Gia đình ông H đã nhiều lần liên lạc để cho ông H bà H quay về nhưng không thành. Từ năm 2013 cho đến nay ông H và bà H đã sống ly thân, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Ông H thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ

chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên ông H làm đơn đề nghị Tòa án B giải quyết được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/10/2012. Nguyên vọng của ông H sau ly hôn ông được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Vy Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ bà H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Vy Thị H tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Tiến H từ năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên bà H đã về nhà mẹ ruột sống từ năm 2013 cho đến nay. Ông H yêu cầu ly hôn bà H đồng ý. Do điều kiện đi lại khó khăn nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong quá trình giải quyết vụ án và đồng thời bà đồng ý giải quyết vụ án tại Tòa án huyện B.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/10/2012. Nguyên vọng của ông H sau ly hôn ông được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vy Thị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Vy Thị H theo quy định. Mặc dù bị đơn bà Vy Thị H có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nhưng bà H có đơn và có nguyện vọng đề nghị Tòa án huyện B giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: Ông H và bà H chung sống với nhau từ năm 2011. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 14/11/2011. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án ông H và bà H đã thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông H và bà H đã có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vì vậy ông bà thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2011 ông H và bà H đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau, kinh tế hai bên độc lập. Như vậy, bà H và ông H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn tin tưởng nhau, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay ông H yêu cầu ly hôn, bị đơn bà H đồng ý nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Tiến Mạnh, sinh ngày 01/10/2012. Hiện nay cháu Mạnh đang sống cùng ông H. Ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Mạnh, bà H đồng ý với yêu cầu của ông H nên cần giao cháu Nguyễn Tiến Mạnh cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến H về việc ly hôn. Ông Nguyễn Tiến H được ly hôn với bà Vy Thị H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56 ngày 14/11/2022 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/10/2012 cho ông Nguyễn Tiến H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 000953 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Điền Thị Hạnh